

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023”**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG  
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 7**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM  
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2023**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG  
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 7**

**CƠ QUAN THỰC HIỆN**  
**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ** VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

*ThS Vũ Quốc Chính*

**Thông tin chung**

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023” do Tổng cục Thủy lợi quản lý, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện năm 2023. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/ tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo chất lượng nước theo tuần tại các vị trí lấy mẫu quan trắc theo các chỉ tiêu DO, BOD<sub>5</sub> và NH<sub>4</sub><sup>+</sup>. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ <https://chatluongnuoc.tongcucthuyloi.gov.vn> và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 7 lấy mẫu ngày 10/7/2023. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

**Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2023**

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG  
MẪU CỔ ĐỊNH ĐỢT 7**

**1. Nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023.

**2. Ngày quan trắc:** 10/7/2023

**Ngày cung cấp thông tin:** 11/7/2023

**3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:**

- Mẫu lấy ngày 10/07/2023 vào cuối thời kỳ làm đất, cấy lúa vụ mùa (1/6 đến 10/7); theo quy trình điều hành hệ thống: Điều tiết, giữ mực nước hạ lưu cống Xuân Quan từ +2,00m đến 2,40m; Thượng lưu cống Kênh Cầu: từ +1,80m đến +2,20m; Thượng lưu cống Bá Thủy: từ +1,40m đến +1,80m; Thượng lưu cống Neo: từ +1,30m đến +1,70m; Thượng lưu cống Cầu Xe, An Thổ: từ +0,90m đến +1,10m hoặc gạn tháo; Âu thuyền Cầu Cát: Phục vụ giao thông thủy hoặc kết hợp lấy nước ngược. Trong điều kiện cho phép có thể rút nước, thay nước không quá 4 lần, mỗi lần không quá 2 ngày để giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

- Thời điểm lấy mẫu, hoạt động của các công trình đầu mối và các cống tiêu như sau: Cống Xuân Quan mở, lấy nước vào hệ thống; Kênh Cầu, Âu Lực Điền, cống Tranh mở thông; Bá Thủy mở 5 cửa x 200 cm; cống Neo, Âu Cầu Cát, An Thổ, Cầu Xe đóng kín. Các cống tiêu Xuân Thụy, Ngọc Đà, Ngọc Lâm, Phần Hà và Bình Lâu mở thông.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 (Có danh sách kèm theo)

**5. Đơn vị thực hiện:** Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

**Người cung cấp thông tin:** ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 7  
(So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A<sub>1</sub> và B<sub>1</sub>)**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
1	BHH 1	Cống Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ	- Cống mở dòng chảy yếu. Mực nước TL = 170cm; HL = 169 cm; - Nước có màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có	29,2	7,24	5,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			cống Xuân Thụy	rác thải.				học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Cầu Bâ trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống mở thông 5 cửa, dòng chảy trung bình. Mục nước TL = 172 cm; HL = 168 cm;</li> <li>- Nước có màu đen kịt, mùi hôi thối, không có rác thải. Khi nhập lưu sông với sông Kim Sơn tạo 2 mảng màu đen – nâu rõ rệt.</li> </ul>	29,7	7,25	1,1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được.</li> <li>- Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS.</li> <li>- Lấy nước thay thế trong khu vực qua các trạm bơm từ nguồn sông Kim Sơn và sông ngoài.</li> <li>- Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.</li> </ul>
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dòng chảy yếu theo hướng từ TB Như Quỳnh ra cầu Tăng Bảo.</li> <li>- Nước có màu xám đen, mùi hơi hôi, nhiều rác thải trên sông.</li> </ul>	29,3	7,17	2,8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.</li> <li>- Tạm dừng lấy nước qua TB Như Quỳnh. Bổ sung nước thay thế trong khu vực qua trạm bơm Phú Mỹ từ nguồn nước sông Đuống</li> </ul>
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cống mở thông, dòng chảy yếu. Mục nước TL= 155 cm; HL = 154 cm;</li> <li>- Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải. Có cá nhỏ ngơ nổi theo đàn</li> </ul>	29,3	7,13	3,8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngơ nổi đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh</li> </ul>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			công Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo				học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.	
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù.</li> <li>- Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng mở thông 2 cửa, dòng chảy trung bình.</li> <li>- Nước có màu đen, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cổng, nổi nhiều bọt trắng nhỏ, khi nhập lưu với sông Đình Dù tạo 2 mảng màu đen – xám rõ rệt.</li> </ul>	28,5	7,15	1,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được.</li> <li>- Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS;</li> <li>- Không nên mở cổng Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN</li> </ul>
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải.</li> </ul>	29,9	7,24	3,6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngơ nổi đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.</li> </ul>
7	BHH7	Cổng Phan Hà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Núi, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn.</li> <li>- Nước màu nâu đục, không có mùi lạ. Không có rác thải. Có cá nhỏ ngơ nổi theo đàn.</li> </ul>	29,4	7,13	3,4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngơ nổi đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng.</li> <li>- Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.</li> </ul>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			(huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).					
8	BHH8	Cống Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng mở 5 cửa x 200, dòng chảy trung bình. Mức nước TL= 123 cm; HL= 121 cm.</li> <li>- Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Nhiều bèo lẫn rác thải trước cống.</li> </ul>	31,1	7,37	4,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.</li> <li>- Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.</li> </ul>
9	BHH9	Cống Bình Lâu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy.</li> <li>- Nước màu đen kịt, mùi hôi thối. Nhiều rác thải</li> </ul>	32,3	7,36	1,1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO &lt; 2mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS, cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được.</li> <li>- Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS;</li> <li>- Không nên mở cống Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;</li> </ul>
10	BHH10	Cống Cầu Cát	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.</li> <li>- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 134, HL= 105 cm.</li> <li>- Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải.</li> </ul>	31,6	7,25	4,8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.</li> <li>- Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN.</li> <li>- Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.</li> </ul>
11	BHH11	Cống An Thổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 114 cm; HL= 40</li> </ul>	32,7	7,42	5,4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.</li> <li>- Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước</li> </ul>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải.				vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Công đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 115 cm; HL= 35 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	32,9	7,46	5,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
13	BHH13	Cống Lọc Điện	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Công mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. Mục nước TL= 144 cm; HL = 143 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ. Không có rác thải.	29,6	7,30	3,7	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngớ ngời đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
14	BHH14	Cống Bàng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều rác thải.	31,4	7,42	3,4	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể hiện tượng ngớ ngời đầu và ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
							pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.	
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cừ An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 114 cm; HL = 110 cm; - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ. Không có rác thải. Có nhiều bèo tây chết đóng ven 2 bờ gần cửa cống.	31,1	7,50	4,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1</b>				-	-	<b>6,0-8,5</b>	<b>≥6</b>	-
<b>QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1</b>				-	-	<b>5,5-9,0</b>	<b>≥4</b>	-

**Ghi chú:** QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;